

	<b>VIETTEL AI RACE</b>	<b>TD580</b>
	<b>PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	<b>Lần ban hành: 1</b>

Tài sản cố định trong doanh nghiệp vừa thể hiện quy mô của doanh nghiệp vừa thể hiện nguồn tư liệu lao động chủ yếu trong quá trình sản xuất kinh doanh. Không thể phủ nhận tầm quan trọng của TSCĐ cho quá trình này. Nếu cung cấp dư thừa nguyên vật liệu, dồi dào về lao động tuy nhiên không có TSCĐ thì quá trình sản xuất có thể diễn ra chậm hoặc bị gián đoạn. Việc này ảnh hưởng rất lớn đến vấn đề sản xuất sản phẩm và kết quả của quá trình sản xuất. Phân tích tình hình sử dụng TSCĐ sẽ giúp giải quyết những vấn đề trên. Qua phân tích, doanh nghiệp sẽ có những đánh giá khái quát tình hình sử dụng TSCĐ có biện pháp sử dụng và quản lý tài sản cố định khoa học, hợp lý nhằm huy động đến mức tối đa, không ngừng tăng sản lượng, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm,...

## **1. Phân tích tình hình trang bị tài sản cố định**

### **1.1 Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản cố định**

Phương pháp phân tích là so sánh giữa số cuối kỳ và số đầu năm cả về nguyên giá lẫn tỷ trọng của từng loại để biết được sự biến động về tài sản cố định và phải dựa vào tình hình thực tế của doanh nghiệp để có nhận xét đánh giá.

Phân tích cơ cấu tài sản cố định là xem xét tỷ trọng của từng loại tài sản cố định chiếm trong tổng số có hợp lý không, để từ đó khai thác được những tiềm năng đang tiềm ẩn và khắc phục những yếu kém trong việc bố trí cơ cấu tài sản cố định.

Tài sản cố định trong doanh nghiệp xét theo phạm vi có thể chia làm 3 nhóm:

- + Tài sản cố định dùng cho sản xuất kinh doanh (dùng cho sản xuất và quản lý)
- + Tài sản cố định dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng.
- + Tài sản cố định không dùng, chưa dùng, chờ thanh lý.

Để minh họa cho phương pháp phân tích tình hình biến động tài sản cố định, ta sử dụng số liệu về tài sản cố định của doanh nghiệp sản xuất qua bảng phân tích sau:

	<b>VIETTEL AI RACE</b>	<b>TD580</b>
	<b>PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	<b>Lần ban hành: 1</b>

**BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (1.000 đồng)**

Loại tài sản cố định	Đầu năm		Cuối năm		Chênh lệch	
	N.giá	%	N.giá	%	Mức	%
1. Tài sản CĐ dùng trong s.xuất	750	60	1.089	66	+339	+45,2
- Trong đó phương tiện kỹ thuật	350	28	660	40	+310	+88,6
2. Tài sản cố định dùng ngoài s.x	500	40	561	34	+61	+12,2
- Tài sản c.đ dùng cho b.hàng	150	12	198	12	+48	+32,0
- Tài sản cố định cho quản lý	350	28	363	22	+13	+3,7
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.250</b>	<b>100</b>	<b>1.650</b>	<b>100</b>	<b>+400</b>	<b>+32,0</b>

Qua phân tích ta thấy tài sản cố định năm nay tăng nhiều so với năm trước 32%, tương ứng với mức tăng 400 triệu đồng. Điều này chứng tỏ quy mô tài sản cố định của doanh nghiệp tăng lên đáng kể. Cụ thể như sau:

- Tài sản cố định dùng cho sản xuất tăng mạnh 45,2%, trong đó phương tiện kỹ thuật tăng 88,6% tương ứng 310 triệu đồng, doanh nghiệp chú ý quan tâm đến tăng năng lực sản xuất trực tiếp, nhằm tăng năng suất lao động, tăng sản lượng sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

- Tài sản cố định dùng ngoài sản xuất tăng 12,2%, trong đó tài sản cố định bán hàng tăng 32%, tương ứng 48 triệu đồng. Như vậy, doanh nghiệp đã đầu tư tăng thêm tài sản cố định để phục vụ cho công tác bán hàng nhằm tăng thêm doanh thu.

- Về sự biến động kết cấu tài sản cố định: tỷ trọng tài sản cố định dùng cho sản xuất tăng 6% (66% - 60%) trong đó các phương tiện kỹ thuật tăng mạnh 12% (40% - 28%).

Tài sản cố định dùng ngoài sản xuất có xu hướng giảm 6% (34% - 40%), riêng đối với tài sản cố định dùng cho bán hàng tăng về số tuyệt đối là 48 triệu

	VIETTEL AI RACE		TD580
	<b>PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>		Lần ban hành: 1

đồng, còn về tỷ trọng thì không thay đổi (12%), điều này chứng tỏ mức tăng tương ứng với quy mô chung.

## 1.2 Phân tích tình hình trang bị kỹ thuật của tài sản cố định

Tình trạng kỹ thuật của tài sản cố định được hiểu là giá trị hao mòn khi tham gia vào chu kỳ kinh doanh. Nếu TSCĐ tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh thì mức độ hao mòn sẽ lớn, giá trị còn lại ít đi và chuyển dần vào giá trị sản phẩm. Nếu TSCĐ của doanh nghiệp có mức hao mòn lớn thì doanh nghiệp sẽ có biện pháp để trang bị mới phục vụ cho kinh doanh, và ngược lại. Do đó, để đánh giá tình trạng kỹ thuật của tài sản cố định ta phải căn cứ vào hệ số hao mòn của tài sản cố định, ta có chỉ tiêu phân tích sau:

$$H = \frac{HM}{NG}$$

H: Hệ số hao mòn tài sản cố định

HM: Giá trị hao mòn lũy kế

NG: Nguyên giá TSCĐ

Hệ số hao mòn càng gần 1, chứng tỏ tài sản cố định của doanh nghiệp càng cũ, do đó doanh nghiệp cần đổi mới và trang bị lại tài sản cố định.

Hệ số hao mòn tài sản cố định càng nhỏ hơn 1, chứng tỏ tài sản cố định của doanh nghiệp càng mới hoặc được đổi mới nhiều.

Phương pháp phân tích là so sánh hệ số hao mòn tài sản cố định ở các thời điểm cuối kỳ so với đầu năm, ta sẽ đánh giá được sự biến động về tình trạng kỹ thuật của tài sản cố định, từ đó có biện pháp như: trang bị đổi mới, sửa chữa tài sản cố định.

Để phân tích tình trạng kỹ thuật của TSCĐ, ta lập bảng phân tích sau:

### BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT CỦA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Loại tài sản cố định	NG (1.000đồng)		H.mòn (1.000đồng)		HSH.mòn ( %)	
	Đ.N	C.N	Đ.N	C.N	Đ.N	C.N

	<b>VIETTEL AI RACE</b>	<b>TD580</b>
	<b>PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	<b>Lần ban hành: 1</b>

1.TSCĐ dùng trong s.x	750.000	805.000	232.500	281,750	31,00	35,00
-Phương tiện k.thuật	400.000	425.000	122.000	148.750	30,50	35,00
-Nhà cửa, vật kiến trúc	350.000	380.000	110.500	133.000	31,57	35,00
	500.000	522.000	142.500	222..510	28,50	42,63
	150.000	172.000	42.000	68.600	28,00	40,00
	350.000	350.000	100.500	153.910	28,71	43,70
2.TSCĐ dùng ngoài s.x						
-TSCĐ bán hàng						
-TSCĐ quản lý						
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.250.000</b>	<b>1.327.000</b>	<b>375.000</b>	<b>504.260</b>	<b>30,00</b>	<b>38,00</b>

Qua phân tích ta thấy, các loại tài sản cố định trong doanh nghiệp có hệ số hao mòn lớn. đầu năm là 30 % và cuối năm là 38%. Tuy nhiên mức hao mòn của các loại tài sản này vẫn còn nhỏ nên có thể doanh nghiệp chưa cần thiết trang bị và thay mới. Trong các loại tài sản thì TSCĐ dung trong sản xuất tăng 4% trong đó phương tiện kỹ thuật tăng cao nhất với mức tăng là 4,5%. TSCĐ dùng ngoài sản xuất có hệ số hao mòn tăng cao nhất trong đó TSCĐ bán hàng và quản lý có mức tăng về hệ số hao mòn rất lớn.

### 1.3 Phân tích hiệu suất sử dụng tài sản cố định

Phân tích hiệu suất sử dụng tài sản cố định được xem là xác định hiệu quả mang lại từ TSCĐ trong quá trình tạo ra kết quả sản xuất. Nếu 1 đồng TSCĐ tham gia vào kinh doanh tạo ra càng nhiều đồng kết quả thì hiệu quả mang lại càng cao và TSCĐ được xem là sử dụng hợp lý. Để biết được cần sử dụng công thức sau:

$$H_s = \frac{G_s}{N_g}$$

$H_s$ : Hiệu suất sử dụng TSCĐ

$G_s$ : Giá trị sản xuất

	VIETTEL AI RACE	TD580
	<b>PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	Lần ban hành: 1

Ng: Nguyên giá TSCĐ bình quân

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định có thể tính toàn bộ tài sản cố định dùng vào sản xuất kinh doanh hoặc chỉ tính tài sản cố định dùng trong sản xuất.

+ Trường hợp tính theo tài sản cố định dùng vào sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu này phản ánh cứ một đồng nguyên giá tài sản cố định dùng vào sản xuất kinh doanh tạo ra được bao nhiêu đồng giá trị sản xuất. Chỉ tiêu này càng cao, chứng tỏ việc quản lý và sử dụng tài sản cố định của doanh nghiệp càng tốt và ngược lại.

+ Trường hợp tính theo tài sản cố định dùng cho sản xuất: chỉ tiêu này phản ánh cứ một đồng nguyên giá tài sản cố định dùng trong sản xuất tạo ra được bao nhiêu đồng giá trị sản xuất. Nó phản ánh tình hình sử dụng tài sản cố định đối với bộ phận tài sản cố định dùng cho sản xuất. Chỉ tiêu này càng cao, chứng tỏ việc quản lý và sử dụng tài sản cố định dùng trong sản xuất của doanh nghiệp càng tốt và ngược lại.

Để phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐ, cần áp dụng phương pháp so sánh tính ra mức chênh lệch qua 2 kỳ.

- Phương pháp phân tích:  $\Delta H_s = H_{s1} - H_{s0}$

Nếu  $\Delta H_s > 0$ : hiệu suất sử dụng tài sản cố định tốt hơn

Nếu  $\Delta H_s < 0$ : hiệu suất sử dụng tài sản cố định kém hơn

Nếu  $\Delta H_s = 0$ : hiệu suất sử dụng tài sản cố không thay đổi

Hiệu suất sử dụng tài sản cố định thay đổi sẽ làm cho giá trị sản xuất thay đổi, ảnh hưởng của các nhân tố đến giá trị sản xuất như sau:  $G_s = N_g \cdot H_s$

Đối tượng phân tích:  $\Delta G_s = G_{s1} - G_{s0}$

Có 2 nhân tố ảnh hưởng đến giá trị sản xuất là: nguyên giá TSCĐ bình quân và hiệu suất sử dụng TSCĐ

\* Nguyên giá TSCĐ ảnh hưởng đến  $G_s$ :  $\Delta G_{s(Ng)} = (Ng_1 - Ng_0) \cdot H_{s0}$

\* Hiệu suất sử dụng TSCĐ ảnh hưởng đến  $G_s$ :  $\Delta G_{s(H_s)} = (H_{s1} - H_{s0}) \cdot Ng_1$

- Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng:  $\Delta G_s = \Delta G_{s(Ng)} + \Delta G_{s(H_s)}$

	<b>VIETTEL AI RACE</b>	<b>TD580</b>
	<b>PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	<b>Lần ban hành: 1</b>

Hiệu suất sử dụng tài sản cố định của doanh nghiệp tăng hay giảm thường do một số nguyên nhân sau:

- + Tình trạng kỹ thuật tài sản cố định mới hay cũ.
- + Cơ cấu tài sản cố định có hợp lý không.
- + Tình trạng cung ứng nguyên vật liệu cho sản xuất có bảo đảm chất lượng, kịp thời và đầy đủ không.
- + Tình hình quản lý và sử dụng tài sản cố định.

**BẢNG PHÂN TÍCH HIỆU SUẤT SỬ DỤNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (1.000 đồng)**

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	Chênh lệch	
			Mức	Tỷ lệ %
1. Giá trị sản xuất	68.460	77.292	+ 8.832	+ 12,9
2. Nguyên giá TSCĐ bình quân	1.050	1.130	+ 80	+ 7,6
3. Hiệu suất sử dụng TSCĐ	65,2	68,4	+ 3,2	+ 4,9

*Bước 1: Chỉ tiêu phân tích:  $G_{s0}=68.460$      $G_{s1}=77.292$*

*Bước 2: Đối tượng phân tích  $\Delta G_s = 8.832$*

*Bước 3: Mức độ ảnh hưởng của nhân tố đến giá trị sản xuất*

Nguyên giá TSCĐ:  $\Delta G_s(N_g) = (1.130 - 1.050) \times 65,2 = 5.216$  triệu đồng

Hiệu suất sử dụng TSCĐ:  $\Delta G_s(H_s) = 1.130 \times (68,4 - 65,2) = + 3.616$  triệu đồng

*Bước 4: Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng:  $5.216 + 3.616 = 8.832$  triệu đồng*